TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-PT
Ngày: 26-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông K'Tiêng

Các Thẩm phán tham gia: Ông Lương Đức Dương và bà Bùi Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà*:** Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 152/2020/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Trần Đình T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2020/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2021/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Trần Đình T**, sinh năm 1985 tại Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện R, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Đức H, sinh năm 1950 và bà Trừ Thị T, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị M T, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2007; nhân thân: Ngày 25/8/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án phúc thẩm số 89/2011/HSPT; ngày 30/8/2013, được đặc xá theo giấy chứng nhận đặc xá số 326 của Trại giam Đắk Trung thuộc Cục C10, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2020; đang bị tạm giam – Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Bùi Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/6/2020, Nguyễn Hoàng N mang 20 gói ma túy (trong tổng số 25 gói đã mua trước đó) đến tiệm sửa chữa xe máy của Trần Đình T và nhờ T bán hộ số ma túy này, mỗi gói ma túy bán được thì N sẽ cho T 50.000 đồng, T đồng ý. Đối với 05 gói ma túy còn lại N cất giấu riêng để bán cho các đối tượng nghiện khác.

Về phần T, T sử dụng 02 túi nilon và cho vào mỗi túi nilon 10 gói ma túy, rồi đưa số ma túy trên cất giấu bên trong căn nhà tắm bỏ hoang, cách tiệm sửa chữa xe máy của T 10,6m. Túi nilon chứa 10 gói ma túy thứ nhất T cho vào chiếc giày để ở góc tường nhà tắm, túi nilon chứa 10 gói ma túy thứ hai, T cất giấu phía sau các tấm ảnh đặt trên nền nhà tắm.

Sáng ngày 05/6/2020, Bùi Văn M gọi điện hỏi mua ma túy của N với số tiền 500.000 đồng, N đồng ý và hẹn địa điểm giao ma túy. Sau đó, N gọi điện thoại và nhắn tin cho T mang 01 gói ma túy ra bán cho M với giá 500.000 đồng, T đồng ý và đi ra vị trí cất giấu 20 gói ma túy trước đó lấy 01 gói ma túy cất giấu trên người, rồi điều khiển xe mô tô BKS 48F1-0686 đến gặp M thực hiện giao dịch. Với cách thức tương tự, vào khoảng 15 giờ ngày 05/6/2020 và 11 giờ ngày 06/6/2020, N liên lạc cho T để T tiếp tục thực hiện giao dịch mua bán ma túy với M 02 lần nữa với giá mỗi lần giao dịch là 500.000 đồng. Tổng số tiền 1.500.000 đồng do mua bán ma túy có được T không đưa lại cho N mà sử dụng cá nhân hết. Sáng ngày 08/6/2020, M gọi điện cho N để hỏi mua ma túy với giá 2.000.000 đồng và xin thêm N 01 gói ma túy nữa để sử dụng, N đồng ý. Tuy nhiên, do không gọi được cho T nên N trực tiếp mang 05 gói ma túy mà N đang cất giữ trước đó ra điểm hẹn để bán cho M. Số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 11 giờ ngày 09/6/2020, M gọi điện cho N hỏi mua ma túy với giá 1.000.000 đồng ma túy, N đồng ý và liên lạc cho T để T thực hiện giao dịch mua bán như các lần trước. Khi T chuẩn bị giao cho M 02 gói ma túy nêu trên thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk R'Lấp bắt quả tang cùng ma túy.

Vật chứng thu giữ được gồm: 17 đoạn ống hút bằng nhựa, màu xanh lá cây, được hàn kín hai đầu mỗi đoạn có kích thước là (2,8x0,9) cm, bên trong các đoạn ống hút trên đều có chứa các hạt tinh thể rắn nghi là chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 74 ngày 16/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu xanh, hàn kín hai đầu được niêm phong trong bì thư ký hiệu M01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,2049 gam; là Methamphetamine. Hoàn lại sau giám định có khối lượng mẫu là 0,1353 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu xanh, hàn kín hai đầu được niêm phong trong bì thư ký hiệu M02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,1985 gam; là Methamphetamine. Hoàn lại sau giám định có khối lượng mẫu là 0,1483 gam.

Tại bản kết luận số 79 ngày 16/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 10 đoạn ống nhựa màu xanh, hàn kín hai đầu được niêm phong trong bì thư ký hiệu M03 gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 2,0317 gam; là Methamphetamine. Hoàn lại sau giám định có khối lượng mẫu là 1,7379 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 05 đoạn ống nhựa màu xanh, hàn kín hai đầu được niêm phong trong bì thư ký hiệu M04 gửi giám định đều là ma túy, có

tổng khối lượng mẫu là 1,0115 gam; là Methamphetamine. Hoàn lại sau giám định có khối lượng mẫu là 0,8451 gam.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2020/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông quyết định căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; các điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Đình T 08 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/6/2020.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Nguyễn Hoàng N, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 07-12-2020, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trần Đình T thừa nhận bị xử phạt về tội*"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Đình T về tội*"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Đình T không bào chữa, tranh luận; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Theo lời khai của bị cáo Trần Đình T tại phiên toà phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 11 giờ ngày 09/6/2020, được N phân công nên T đã mang 02 gói ma túy đến bán cho M với giá 1.000.000 đồng. Khi T chuẩn bị giao cho M 02 gói ma túy nêu trên thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk R'Lấp bắt quả tang cùng ma túy. Trong quá trình điều tra, T khai nhận trước đây có 03 lần bán ma túy cho M cũng do N phân công, mỗi lần bán 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Số lượng ma túy T có để bán cho M là do N mua từ một người khác và giao lại cho T. Như vậy, T là đồng phạm cùng N trong hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Đình T về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: bị cáo T có nhân thân xấu nhưng không lấy đó làm bài học, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm thực hành tích cực với bị cáo N trong cùng vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo

mức hình phạt 08 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, có phân hóa tính chất đồng phạm phù hợp (xử phạt bị cáo N 09 năm tù). Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Đình T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; các điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Đình T 08 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/6/2020.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (*Vụ GĐKT I*) (1);
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh Đăk Nông (2);
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đ (1);
- CQ THAHS - CA tỉnh Đ (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đ (1);
- CQ CSĐT - CA huyện Đăk R'Lấp (1);
- VKSND huyện Đăk R'Lấp (1);
- TAND huyện Đăk R'Lấp (3);
- CQ THAHS - CA huyện R (1);
- Chi cục THADS huyện R (1);
- Nhà tạm giữ - CA huyện R (2)

(*Trong đó có **01** bản kính nhờ Nhà tạm giữ - CA huyện R tống đạt cho bị cáo*);
- Những người tham gia tố tụng khác (0);
- Lưu: THCTP (1), THS (2), HSVA (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

K'Tiêng